

Số /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 01

**THÔNG TƯ****Quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện) hoạt động trên các tuyến đường sắt đang khai thác và việc di chuyển phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là phương tiện) trong trường hợp đặc biệt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt* là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích cứu viện; cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt.

2. Thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu của phương tiện giao thông đường sắt là việc thay đổi động cơ, thay đổi công suất động cơ, thay đổi kiểu truyền động, thay đổi khổ đường đối với đầu máy; thay đổi tính năng sử dụng, thay đổi tải trọng, thay đổi giá chuyên hướng khác kiểu loại, thay đổi khổ đường đối với toa xe; thay đổi tính năng sử dụng, thay đổi khổ đường đối với phương tiện chuyên dùng; thay đổi kiểu loại, công suất động cơ, kiểu truyền động đối với toa xe động lực đường sắt đô thị.

## **Chương II**

### **ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN**

#### **Mục 1**

### **QUY ĐỊNH VỀ CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI, XÓA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN**

#### **Điều 4. Quy định chung**

1. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho những phương tiện được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi đưa vào khai thác, vận dụng trên đường sắt theo đề nghị của chủ sở hữu phương tiện (sau đây gọi là chủ sở hữu).

2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại theo đề nghị của chủ sở hữu trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật Đường sắt hoặc trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hư hỏng.

b) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã cấp bị mất.

3. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, xóa trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Đường sắt

b) Trường hợp phương tiện đã được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này. Đối với trường hợp cấp lại, trên Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện có thêm dòng chữ "Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2....".

#### **Điều 5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

1. Cục Đường sắt Việt Nam cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân) cấp, cấp lại, thu hồi xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

## **Điều 6. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Các giấy tờ hợp pháp của phương tiện bao gồm:

a) Chứng từ đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có).

b) Hợp đồng mua bán, cho, tặng; quyết định điều chuyển phương tiện; hóa đơn bán hàng của tổ chức, cá nhân bán phương tiện (nếu phương tiện đã chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện chỉ cần hóa đơn bán hàng của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng); Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do tổ chức đăng kiểm Việt Nam hoặc tổ chức đăng kiểm nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cấp còn hiệu lực. Đối với các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng dịch thuật kèm theo.

3. Trường hợp trong cùng một hợp đồng mua bán, cho, tặng phương tiện, hóa đơn bán hàng, tờ khai hải quan của hồ sơ có kê khai nhiều phương tiện thì chủ sở hữu có trách nhiệm cung cấp bảng kê khai cho từng phương tiện đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc hồ sơ đối với từng phương tiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Đối với phương tiện nhập khẩu, ngoài các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cần phải có thêm tờ khai hải quan dùng cho phương tiện nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan điện tử đã được thông quan.

5. Trường hợp phương tiện không có hợp đồng mua bán, hóa đơn riêng (do việc mua bán các phương tiện chỉ là hợp phần của gói thầu và không thể tách rời) thì chủ sở hữu phải có bản cam kết xác nhận các phương tiện đó thuộc quyền sở hữu của mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có các tranh chấp sở hữu phát sinh.

## **Điều 7. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

1. Trường hợp chuyển quyền sở hữu

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ hợp pháp liên quan đến phương tiện sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp;

c) Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực;

d) Hợp đồng cho, tặng, mua bán, hóa đơn mua bán phương tiện; quyết định Điều chuyển phương tiện;

đ) Chứng từ đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có).

2. Trường hợp phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ hợp pháp liên quan đến phương tiện sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất hoặc hư hỏng

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ hợp pháp liên quan đến phương tiện sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp (trường hợp bị hư hỏng);
- c) Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

### **Điều 8. Hồ sơ đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

Hồ sơ đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Đường sắt:

1. Đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.
2. Giấy chứng nhận đăng ký hợp pháp của phương tiện.

### **Điều 9. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

1. Các hình thức nộp hồ sơ

Chủ sở hữu nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định Điều 5 của Thông tư này theo một trong các hình thức:

- a) Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia;
- c) Nộp qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

- a) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra hồ sơ theo quy định của Thông tư này. Trường hợp hồ sơ không đúng quy định, trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

b) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc các qua hình thức phù hợp khác

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra hồ sơ theo quy định của Thông tư này. Trường hợp hồ sơ không đúng quy định, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận được hồ sơ, có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

### 3. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (trừ trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này); chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cũ (trừ trường hợp được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

#### b) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ sở hữu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này. Thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định và chủ sở hữu đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

c) Trường hợp không cấp, không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu và nêu rõ lý do.

### 4. Thủ tục thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu về việc thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện quy định này.

b) Trường hợp thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền thu lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã cấp để lưu giữ vào hồ sơ theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này.

## Mục 2

### QUY ĐỊNH VỀ SỐ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN PHƯƠNG TIỆN

#### Điều 10. Nguyên tắc đánh số đăng ký phương tiện

1. Đối với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng

a) Số đăng ký phương tiện gồm 02 nhóm ký hiệu, như sau:

Nhóm 1 ở hàng trên: Tên viết tắt hoặc tên thương mại của doanh nghiệp là chủ sở hữu;

Nhóm 2 ở hàng dưới: Gồm chữ và số do chủ sở hữu đề xuất (không trái với các quy định pháp luật hiện hành), phù hợp với công tác quản lý sản xuất kinh doanh của chủ sở hữu.

Ví dụ số đăng ký toa xe của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tên thương mại bằng tiếng Anh viết tắt là VNR) như sau:

VNR

H 431328

b) Đối với các phương tiện bị hạn chế kích thước thành, bệ xe hoặc do các yếu tố khách quan khác có thể kẻ ký hiệu nhóm 1, nhóm 2 trên cùng một hàng.

2. Đối với đường sắt đô thị

a) Số đăng ký phương tiện gồm 02 nhóm ký hiệu, như sau:

Nhóm 1 ở hàng trên: Tên viết tắt hoặc tên giao dịch quốc tế của doanh nghiệp là chủ sở hữu phương tiện;

Nhóm 2 ở hàng dưới: Gồm chữ và số chỉ tuyến đường sắt, số đoàn tàu và số toa tàu hoặc số hiệu do chủ sở hữu đề xuất.

Ví dụ số đăng ký toa xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đường sắt Hà Nội (Tên giao dịch quốc tế viết tắt là HANOI METRO) như sau:

HANOI METRO

HN02A 001 01

b) Đối với các phương tiện bị hạn chế kích thước thành, bệ xe hoặc do các yếu tố khách quan khác có thể kẻ ký hiệu nhóm 1, nhóm 2 trên cùng một hàng.

#### Điều 11. Quy định về vị trí kẻ số đăng ký, màu của chữ và số đăng ký phương tiện

1. Vị trí kẻ số đăng ký trên phương tiện

Số đăng ký của phương tiện phải được kẻ ở hai bên ngoài thành hoặc ở hai đầu phương tiện tại vị trí thích hợp, bảo đảm dễ quan sát, dễ nhận biết.

2. Màu của số đăng ký phương tiện

a) Màu trắng hoặc màu vàng nếu thành của phương tiện là màu sẫm;

b) Màu xanh cô ban hoặc màu đen nếu thành của phương tiện là màu sáng.

**Điều 12. Kiểu chữ, kích thước chữ, số của số đăng ký phương tiện**

1. Chữ và chữ số dùng phông chữ Arial, kiểu đậm, đứng.
2. Chiều cao chữ in hoa và chữ số từ 120 mm đến 150 mm.
3. Chiều cao chữ in thường (nếu có) bằng 50% chữ in hoa.

**Mục 3**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 13. Chế độ báo cáo**

1. Tên báo cáo: Báo cáo thống kê tình hình đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo

- a) Tổng số phương tiện tại thời điểm báo cáo.
- b) Biến động số lượng phương tiện so với kỳ báo cáo trước.
- c) Tổng số phương tiện có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện tại thời điểm báo cáo.

d) Số liệu cấp, cấp lại, xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trong năm báo cáo.

đ) Dự kiến nhu cầu năm tới.

e) Các nội dung cụ thể.

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân, Chủ sở hữu phương tiện.

4. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Chủ sở hữu phương tiện gửi báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân định kỳ từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

b) Ủy ban nhân dân gửi báo cáo về Bộ Giao thông vận tải định kỳ từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

c) Cục Đường sắt Việt Nam gửi báo cáo Bộ Giao thông vận tải định kỳ từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 16 tháng 12 năm báo cáo hoặc đến thời điểm theo yêu cầu.

9. Mẫu báo cáo: Theo Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Chương III**

#### **DI CHUYỂN PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

##### **Điều 14. Các trường hợp đặc biệt di chuyển phương tiện trên đường sắt**

1. Phương tiện di chuyển để kiểm tra các tính năng kỹ thuật của phương tiện trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, vận dụng.

2. Các phương tiện mới được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước, các phương tiện mới thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu, chưa được cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, được phép di chuyển từ vị trí tập kết này đến vị trí tập kết khác để cất giữ, bảo quản hoặc di chuyển phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện cứu hộ, cứu nạn khi có yêu cầu.

##### **Điều 15. Yêu cầu khi di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt**

1. Người điều khiển phương tiện phải chịu sự điều hành giao thông vận tải của cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm điều hành giao thông vận tải đường sắt.

2. Tốc độ, tải trọng của phương tiện không được vượt quá thiết kế kỹ thuật của phương tiện, đồng thời phải tuân thủ công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã được công bố trên đoạn, tuyến đường sắt di chuyển theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi di chuyển phương tiện chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

### **Chương IV**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

##### **Mục 1**

#### **VỀ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN**

##### **Điều 16. Cục Đường sắt Việt Nam**

1. Tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo thẩm quyền và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Lập sổ theo dõi việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

3. Thu và sử dụng lệ phí việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trên đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

5. Thực hiện cập nhật dữ liệu về đăng ký phương tiện theo thẩm quyền vào cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải theo quy định.



6. Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về đường sắt đối với các địa phương được phân cấp quản lý về công tác cấp, cấp lại, thu hồi xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

#### **Điều 17. Ủy Ban nhân dân**

1. Tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo thẩm quyền và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Lập sổ theo dõi việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

3. Thu và sử dụng lệ phí việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Thực hiện cập nhật dữ liệu về đăng ký phương tiện theo thẩm quyền vào cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Cục Đường sắt Việt Nam về công tác cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

#### **Điều 18. Chủ sở hữu phương tiện**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định của Thông tư này.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm của chủ sở hữu về thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định của Thông tư này.

3. Nộp phí, lệ phí đối với việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

5. Xây dựng nguyên tắc, cách xác định dãy chữ, số thuộc nhóm 2 trong số đăng ký phương tiện nêu tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư này và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, theo dõi.

6. Thường xuyên cập nhật dữ liệu về phương tiện vào cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

### **Mục 2**

#### **VỀ DI CHUYỂN PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

**Điều 19. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng**

1. Cung cấp thông tin về kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ việc xây dựng phương án di chuyển của phương tiện;

2. Thống nhất nội dung điều hành giao thông vận tải đường sắt khi di chuyển phương tiện;

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt trong phạm vi kết cấu hạ tầng đường sắt được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì điều hành giao thông đường sắt khi di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt theo thẩm quyền.

**Điều 20. Chủ sở hữu phương tiện, tổ chức, cá nhân có nhu cầu di chuyển phương tiện trên đường sắt trong trường hợp đặc biệt**

1. Lập phương án di chuyển phương tiện và phải được sự thống nhất của các cơ quan, tổ chức sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt khi phương tiện di chuyển trên đường sắt quốc gia;

b) Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng khi phương tiện di chuyển trên đường sắt chuyên dùng;

c) Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị khi phương tiện di chuyển trên đường sắt đô thị.

2. Chịu trách nhiệm di chuyển phương tiện sau khi có văn bản xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện đúng yêu cầu khi di chuyển phương tiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển của phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt; Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT; Điều 1 Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành; Điều

**Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các phương tiện đã được Cục Đường sắt Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được giữ nguyên số đăng ký phương tiện.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện do Cục Đường sắt Việt Nam cấp trước đây thì thông báo cho Cục Đường sắt Việt Nam biết để theo dõi.

3. Việc cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Giao thông vận tải sẽ được thực hiện sau khi Bộ Giao thông vận tải hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung.

### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 23;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phụ lục 1**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ*  
*Giao thông vận tải)*

**TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../... .. , ngày ... .. tháng ... .. năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Dung cho phương tiện đăng ký lần đầu)*

Kính gửi <sup>1</sup>: .....

Tên chủ sở hữu phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Kính đề nghị<sup>2</sup>..... xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu: .....

Xuất xứ (nước sản xuất: nếu có): .....

Năm sản xuất: .....

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: .....

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chỉnh bị (t)	
Tải trọng/tải trọng trục (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyên hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC)	

**Giấy tờ kèm theo gồm:**

1. ....

2. ....

...

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Chủ sở hữu phương tiện**  
*(Ký tên, đóng dấu - nếu có)*

<sup>1</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>2</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

**Phụ lục 2**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ*  
*Giao thông vận tải)*

**TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../... .. ngày ... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Dùng cho phương tiện đã chuyển quyền sở hữu hoặc thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi*  
*các thông số kỹ thuật chủ yếu)*

Kính gửi<sup>3</sup>: .....

Tên chủ sở hữu phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Kính đề nghị<sup>4</sup>..... xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện

sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu: .....

Xuất xứ (nước sản xuất: nếu có): .....

Năm sản xuất: .....

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: .....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy đăng ký phương tiện số .....do ..... cấp ngày ..... tháng .....năm.....

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Khô đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chỉnh bị (t)	
Tải trọng/tải trọng trục (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyển hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC)	

**Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện<sup>5</sup>:**

.....  
 .....  
 .....

<sup>3</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>4</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>5</sup> Nêu rõ lý do xin cấp lại: Mua lại (hoặc Điều chuyển) từ tổ chức hoặc cá nhân nào theo Quyết định điều chuyển số hoặc hợp đồng cho, tặng, mua bán...; đã chuyển quyền sở hữu, thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu...

***Giấy tờ kèm theo gồm:***

1. ....
2. ....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Chủ sở hữu phương tiện**  
*(Ký tên, đóng dấu - nếu có)*

**Phụ lục 3**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ*  
*Giao thông vận tải)*

**TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....      ... .., ngày ... .. tháng ... .. năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Dùng cho phương tiện bị mất bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện)*

Kính gửi<sup>6</sup>: .....

Tên chủ sở hữu phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Kính đề nghị<sup>7</sup>..... xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện

sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu: .....

Xuất xứ (nước sản xuất: nếu có): .....

Năm sản xuất: .....

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: .....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy đăng ký phương tiện số .....do ..... cấp ngày ..... tháng .....năm.....

**Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện<sup>8</sup>:**

.....  
.....  
.....

**Giấy tờ kèm theo gồm:**

1. ....

2. ....

...

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Chủ sở hữu phương tiện**  
*(Ký tên, đóng dấu - nếu có)*

<sup>6</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>7</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>8</sup> Nêu rõ lý do xin cấp lại: Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện phải nêu rõ thời gian, địa điểm, hoàn cảnh mất; trường hợp hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện phải nêu rõ tình trạng hư hỏng

**Phụ lục 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

... .., ngày ... .. tháng ... .. năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

(Dùng cho phương tiện đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký)

Kính gửi<sup>9</sup>: .....

Tên chủ sở hữu phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Kính đề nghị<sup>10</sup>..... xét thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu: .....

Xuất xứ (nước sản xuất nếu có): .....

Năm sản xuất: .....

Số Giấy chứng nhận ATKT &amp; BVMT: .....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy đăng ký phương tiện số .....do ..... cấp ngày ..... tháng .....năm.....

**Lý do thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện<sup>11</sup>:**

.....

**Giấy tờ kèm theo gồm:**

1. ....

2. ....

...

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Chủ sở hữu phương tiện**  
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

<sup>9</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>10</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>11</sup> Nêu rõ lý do xin thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện



**Phụ lục 5**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC  
CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

... .., ngày ... .. tháng ... .. năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

.....<sup>12</sup>

Loại phương tiện: ..... Số đăng ký:.....  
 Tên chủ sở hữu phương tiện: .....  
 Địa chỉ chủ sở hữu phương tiện: .....  
**Số hiệu:** .....  
 Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất): .....  
 Năm sản xuất: .....  
 Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: .....

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/ <b>trọng lượng chính bị</b> (t)	
Tải trọng/ <b>tải trọng trục</b> (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyên hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC)	

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>12</sup> Trường hợp cấp lại ghi rõ Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2...

**Phụ lục 6**  
**MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐÃ KHAI BÁO**  
**MẤT GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**  
**CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

... .., ngày ... tháng ... .. năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**ĐÃ KHAI BÁO MẤT GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN**

....<sup>13</sup> xác nhận:

....<sup>14</sup> đã có Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, số:.... ngày ... .. tháng..... năm ..... đối với phương tiện:

Loại phương tiện: .....

Tên chủ sở hữu phương tiện: .....

Địa chỉ chủ sở hữu phương tiện:.....

Số hiệu: .....

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):.....

Năm sản xuất: .....

Số Giấy chứng nhận ATKKT & BVMT:.....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy đăng ký phương tiện số .....do ..... cấp ngày ..... tháng .....năm.....

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/ <b>trọng lượng chính bị</b> (t)	
Tải trọng/ <b>tải trọng trục</b> (t) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyển hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRx C)	

**Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện<sup>15</sup>:**

.....  
.....  
.....

Giấy xác nhận này có hiệu lực trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký.

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>13</sup> Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền

<sup>14</sup> Tên chủ sở hữu

<sup>15</sup> Nêu rõ lý do xin cấp lại: Bị mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh mất.





## II. BÁO CÁO MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về số liệu tăng, giảm ở cột (5) (nếu có)
2. Về số liệu Nhu cầu/Đã giải quyết (nếu có chênh lệch)
3. Về các nội dung khác, đề xuất, kiến nghị (nếu có)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

### **Ghi chú:**

1. Cột (4): Tổng số phương tiện tại thời điểm báo cáo (bao gồm đang sử dụng, chưa sử dụng, không sử dụng)
2. Cột (5): Trường hợp giảm so với năm trước ghi số lượng giảm có dấu “-” đằng trước
3. Cột (6): Số lượng phương tiện được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (GCN) trong tổng số phương tiện tại cột (4)

